

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực
cạnh tranh tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2026 - 2030

I- TÌNH HÌNH VÀ BỐI CẢNH

1. Kết quả giai đoạn 2021 - 2025

Sau 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TU, ngày 21/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh đã được cải thiện. Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức về vai trò của doanh nghiệp, nhà đầu tư từng bước được nâng lên; tư duy quản lý hành chính dần chuyển sang kiến tạo, đồng hành, phục vụ phát triển. Công tác cải cách thủ tục hành chính có chuyển biến rõ rệt; nhiều thủ tục được rút ngắn thời gian giải quyết, thực hiện trên môi trường điện tử. Chỉ số xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đã có bước cải thiện cả về điểm số và thứ hạng, từ xếp hạng 49/63 tỉnh, thành phố năm 2020 tăng vượt bậc lên thứ hạng 16/63 năm 2024 và xếp hạng ở nhóm Khá năm 2025.

Khu vực kinh tế tư nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng; số doanh nghiệp thành lập mới tăng qua các năm. Tính đến ngày 30/6/2026 có 6.543 doanh nghiệp, gấp gần 2,9 lần so với năm 2020. Một số doanh nghiệp từng bước mở rộng quy mô, tham gia chuỗi giá trị trong lĩnh vực thương mại biên giới, logistics, chế biến nông sản, du lịch. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp được quan tâm đầu tư; liên kết vùng từng bước được tăng cường. Công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp có nhiều đổi mới, thiết thực hơn. Kinh tế cửa khẩu tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh vẫn còn hạn chế, chưa thực sự hấp dẫn để thu hút đầu tư; các chính sách hỗ trợ đầu tư kinh doanh, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; thiếu mặt bằng, quỹ đất sạch, cùng các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng đã ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trên địa bàn. Việc thẩm định, giải quyết thủ tục liên quan đến dự án đầu tư, xây dựng, đất đai còn kéo dài thời gian. Kinh tế tư nhân của tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; năng lực tài chính, trình độ quản trị, khả năng đổi mới sáng tạo còn hạn chế. Khả năng tiếp cận đất đai, vốn tín dụng, nguồn nhân lực chất lượng cao của doanh nghiệp còn gặp khó khăn...

2. Bối cảnh giai đoạn 2026 - 2030

Giai đoạn 2026 - 2030 là giai đoạn bản lề thực hiện mục tiêu đưa nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh diễn ra mạnh mẽ, vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra nhiều thách thức.

Tỉnh Lạng Sơn với vị trí địa kinh tế đặc thù là tỉnh biên giới, cửa ngõ giao thương; cạnh tranh thu hút đầu tư giữa các địa phương ngày càng gay gắt; vốn đầu tư nước ngoài (FDI) dịch chuyển theo xu hướng xanh hóa, đòi hỏi rất cao về hạ tầng số, hạ tầng logistics đồng bộ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Bối cảnh có tính chất bước ngoặt này là áp lực, đồng thời là động lực bắt buộc tỉnh phải thay đổi tư duy, có cách tiếp cận quyết liệt và đồng bộ hơn trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Xác định cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt có ý nghĩa quyết định; là điều kiện tiên quyết để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của tỉnh; kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, an sinh xã hội, phát triển bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia.

Xác định cải cách thể chế, cải cách hành chính, tăng cường phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là các trụ cột để tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thuận lợi và an toàn. Tập trung đơn giản hóa, chuẩn hóa, công khai, minh bạch hóa quy trình, thủ tục hành chính; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; giảm tối đa thời gian, chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Lấy doanh nghiệp, nhà đầu tư làm trung tâm của quá trình cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động. Chú trọng thu hút, phát triển các doanh nghiệp lớn trong các lĩnh vực tỉnh có lợi thế của tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí thấp, thuận lợi cho doanh nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế, đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng GRDP, thu ngân sách và giải quyết việc làm; đưa Lạng Sơn trở thành trung tâm logistics của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc gắn với phát triển kinh tế cửa khẩu; thúc đẩy xây dựng cửa khẩu thông minh; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động xuất nhập khẩu; là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhất là trong các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh.

Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, logistics, hạ tầng số, hạ

tăng khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu được cải thiện mạnh mẽ. Tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được nâng cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường (thành lập mới và quay trở lại hoạt động) hằng năm tăng từ 10 - 20% so với năm trước. Hình thành một số doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, có năng lực cạnh tranh, đóng vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực kinh tế chủ lực như: Thương mại biên giới, logistics, du lịch, công nghiệp, năng lượng.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Giai đoạn 2026 - 2027: 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt từ 95% trở lên. Giai đoạn 2028 - 2030: Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc tiếp nhận, giải quyết TTHC nói chung của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn đạt từ 95% trở lên, riêng mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt từ 90% trở lên.

- Phát triển nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng nghề và năng lực số đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động; phấn đấu tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đến năm 2030 đạt từ 76% trở lên, trong đó tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.

- Chỉ số PCI tiếp tục nằm trong nhóm khá của cả nước và khu vực Trung du miền núi phía Bắc; Chỉ số cải cách hành chính (PAR index) nằm trong nhóm xếp hạng tốt; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) ở mức khá trở lên, thuộc nhóm các địa phương có mức độ hài lòng của người dân cao so với bình quân chung của cả nước.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay để tạo sự đồng thuận tham gia của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Đổi mới, đa dạng hình thức tuyên truyền, kết hợp báo chí truyền thống với nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng công nghệ mới trong công tác tuyên truyền.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và có các giải pháp đồng bộ, quyết liệt để triển khai thực hiện nghị quyết. Trong đó phải xác định các nội dung: Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, quan trọng.

Kịp thời động viên khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có sáng kiến, giải pháp hiệu quả, đóng góp tích cực trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tuyên truyền về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số, truyền thông đa phương tiện; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, sản phẩm truyền thông chuyên sâu về: Cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục đầu tư, kinh doanh; các mô hình hay, cách làm hiệu quả, gương điển hình trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ chất lượng điều hành kinh tế, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, minh bạch

Đổi mới công tác thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng lấy doanh nghiệp, người dân làm trung tâm phục vụ, đặc biệt là về đầu tư, đất đai, xây dựng, hỗ trợ doanh nghiệp. Đơn giản hóa, chuẩn hóa, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phát triển dữ liệu số trong quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Hoàn thiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, liên thông, giảm tối đa thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và công khai, minh bạch thông tin cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh.

Công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, thông tin dữ liệu về các dự án liên quan đến lĩnh vực đầu tư kinh doanh và về tiến độ, thời gian, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã. Chú trọng nâng cao đạo đức công vụ, trách nhiệm cán bộ, công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp, chủ động hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có tinh thần trách nhiệm, chuyên nghiệp, chủ động hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, xử lý nghiêm tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là đội ngũ làm việc tại Trung tâm hành chính công các cấp. Lấy mức độ hài lòng của doanh nghiệp, nhà đầu tư làm tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả công tác điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu.

Thực hiện cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp. Đặc biệt thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, lĩnh vực đầu tư và đất đai theo các hướng dẫn từ Trung ương.

Thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao các chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); Cải cách hành chính; Hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục

vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục triển khai việc đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) để tạo động lực cải cách từ cơ sở, gắn kết quả đánh giá DDCI với công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong triển khai các nhiệm vụ liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

3. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh

Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Rà soát, tích hợp, cập nhật lại quy hoạch tỉnh, bảo đảm đồng bộ với các quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia, vừa khai thác hiệu quả lợi thế tổng hợp của địa phương. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng giao thông, các đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng logistics, hạ tầng số.

Hoàn thành đưa vào khai thác toàn tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng và cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng). Triển khai đầu tư tuyến cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên, cao tốc Lạng Sơn - Quảng Ninh (đoạn Lạng Sơn - Tiên Yên) khi đủ điều kiện; tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn Hà Nội - Đồng Đăng.

Hoàn thiện xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông - lâm sản, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao. Xây dựng cơ chế ưu đãi, cải thiện môi trường đầu tư để lấp đầy các khu, cụm công nghiệp.

Phát triển hạ tầng logistics hiện đại, gắn với cửa khẩu, trung tâm trung chuyển hàng hóa, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu; xây dựng mạng lưới logistics đa chiều, nâng tầm khu vực trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực miền núi phía Bắc, kết nối đồng bộ giữa đường bộ, đường sắt, kho bãi... Phát triển đồng bộ các trung tâm logistics, cảng cạn, kho ngoại quan, kho lạnh, trung tâm kiểm tra chuyên ngành, trung tâm trung chuyển hàng hóa phục vụ xuất nhập khẩu. Chú trọng phát triển hạ tầng số và nguồn nhân lực logistics chất lượng cao.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng. Phân công từng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy viên các cấp theo dõi, chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng một số dự án cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trên địa bàn tỉnh theo địa bàn phụ trách. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã chịu trách nhiệm về kết quả công tác giải phóng mặt bằng tại địa phương. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trên địa bàn tỉnh; Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể tỉnh Lạng Sơn; Tổ công tác hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù về bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho nhà đầu tư.

4. Thu hút đầu tư có chọn lọc, nâng cao chất lượng dự án đầu tư

Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để thu hút các dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ cao, thân thiện môi trường, có tác động lan tỏa

rộng, tạo giá trị gia tăng cao. Tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, bảo đảm sự đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư.

Tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các nguồn vốn FDI, các dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh, có công nghệ tiên tiến, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, tạo nhiều việc làm và đóng góp ngân sách. Tập trung thu hút các dự án công nghiệp có lợi thế, cơ hội phát triển như năng lượng tái tạo, công nghiệp chế tạo, chế biến nông lâm sản theo công nghệ tiên tiến.

Tăng cường công tác thẩm định, lựa chọn nhà đầu tư; kiên quyết xử lý, thu hồi các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả, sử dụng đất không đúng mục đích. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư.

Đổi mới mạnh mẽ công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm. Thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có hàm lượng khoa học, công nghệ và giá trị gia tăng cao, ứng dụng công nghệ số, công nghệ xanh, thân thiện với môi trường, các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh; không khuyến khích hoặc hạn chế thu hút đối với các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, năng lượng, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường hoặc hiệu quả sử dụng đất thấp. Chú trọng thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn, là đầu tàu dẫn dắt, liên kết phát triển tạo chuỗi giá trị trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh.

Hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh triển khai các hoạt động hội nhập quốc tế về kinh tế, phát triển quan hệ hợp tác đầu tư, thương mại. Tăng cường phối hợp với các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài để quảng bá hình ảnh, tiềm năng thế mạnh của tỉnh, xúc tiến thu hút đầu tư, thương mại nhất là thu hút đầu tư nước ngoài.

5. Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa

Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực. Đặc biệt tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai, nguồn vốn, mặt bằng sản xuất, kinh doanh cho kinh tế tư nhân. Rà soát phương án xử lý, ban hành danh mục tài sản công cho thuê đối với nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương để cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo theo hướng thực chất, hiệu quả. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận vốn tín dụng, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, mở rộng thị trường. Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh. Hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh, khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô

hình doanh nghiệp. Nghiên cứu xây dựng chính sách ưu đãi về vốn vay, lãi suất cho doanh nghiệp khởi nghiệp.

Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và lớn; tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp dẫn đầu trong một số lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như: Thương mại biên giới, logistics, chế biến nông lâm sản, du lịch, năng lượng tái tạo. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị, cụm ngành, hệ sinh thái doanh nghiệp.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, phát triển mô hình kinh doanh mới

Đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo; thúc đẩy ứng dụng, làm chủ và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây và các công nghệ số tiên tiến trong quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

Phát triển mạnh hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh chuyển đổi số toàn diện, đổi mới công nghệ, ứng dụng nền tảng số, thương mại điện tử, thanh toán số và các mô hình quản trị hiện đại; khuyến khích phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi xanh; khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng số, nhất là trong các lĩnh vực logistics, cửa khẩu thông minh, thương mại điện tử xuyên biên giới, du lịch thông minh và nông nghiệp số. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

7. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động

Nghiên cứu cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết nhà trường - doanh nghiệp, tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp; thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực chất lượng cao; tạo môi trường làm việc thuận lợi để thu hút chuyên gia, lao động kỹ thuật cao đến làm việc, gắn bó lâu dài với tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường. Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh

ng nghiệp; đẩy mạnh đào tạo kỹ năng nghề, kỹ năng quản trị, kỹ năng số cho người lao động và đội ngũ doanh nhân. Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch lao động sang các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao, trong đó ưu tiên tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực và phát triển doanh nghiệp ở khu vực nông thôn nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động. Nâng cao tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật, ngoại ngữ, đã qua đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm. Thường xuyên theo dõi, đánh giá những thay đổi về việc làm và ngành nghề đào tạo trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để kịp thời điều chỉnh công tác giải quyết việc làm, giáo dục nghề nghiệp theo biến động của thị trường lao động.

Chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp để triển khai các chương trình đào tạo, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

8. Tăng cường đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Duy trì thường xuyên các hình thức đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Lập kênh tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và nhà đầu tư, phát huy vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp trong phản biện chính sách. Tổ chức thực hiện truyền thông, chuyên trang, chuyên mục về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các Hội doanh nghiệp trên địa bàn; phát huy vai trò cầu nối thông tin kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cơ chế, chính sách của địa phương. Khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp phản biện chính sách, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp với cơ quan có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời. Đồng hành cùng doanh nghiệp và hình thành đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ. Rà soát, phân loại đối tượng kiểm tra; chấm dứt tình trạng kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài về cùng một nội dung, lĩnh vực; số lần kiểm tra tại doanh nghiệp bao gồm cả kiểm tra liên ngành không được quá một lần một năm, trừ trường hợp cần kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm rõ ràng. Ưu tiên kiểm tra dựa trên các dữ liệu điện tử.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; định hướng các chủ trương lớn, kịp thời xem xét, cho ý kiến đối với những vấn đề quan trọng, phức tạp, phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan quán triệt, tuyên truyền việc thực hiện Nghị quyết; theo dõi, nắm tình hình tư tưởng, dư luận của nhân dân và cộng đồng doanh

nghiệp, tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết. Chú trọng công tác dân vận chính quyền, kịp thời phát hiện, định hướng và xử lý các thông tin sai lệch, tiêu cực có thể ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

4. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh chỉ đạo Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh và Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tăng cường giám sát, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thể chế hóa, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan cụ thể hóa, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án để tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kịp thời tham mưu chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

6. Đảng ủy các xã, phường căn cứ tình hình thực tế, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và số lượng hộ kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn để lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu cụ thể về phát triển doanh nghiệp, trong đó có chỉ tiêu chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (B/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Đảng ủy Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc;
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy;
- MTTQ và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Hiệp hội DN tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Hoàng Quốc Khánh